

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HC-ST

Ngày: 25 - 11 - 2019.

V/v khiếu kiện “*Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lý Ngọc Lan**.

2. Bà **Dương Thị Lệ**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Liên** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Trương Văn Hòa**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19, 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 18/2019/TLST-HC ngày 03/4/2019 về khiếu kiện “*Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-HC ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự, giữa:

1. Người khởi kiện: - **Võ Văn Th**, sinh năm 1959 (có mặt).

- **Hồ Thị Đ**, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp của bà Đ: chị **Võ Ngọc S**, sinh năm 1984, là đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 13/8/2019 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp LH, xã QL, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

2. Người bị kiện:

- **CT UBND tỉnh TG**.

Địa chỉ: Số HB đường BM, phường M, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện hợp pháp: Ông **Lê Văn H** – Chức vụ: Chủ tịch, là đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

- **CT UBND huyện CG**(vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Trần Văn Nh** - Chuyên viên văn phòng HĐND&UBND (có mặt).

- **UBND huyện CG, tỉnh Tiền Giang**.

Đại diện hợp pháp: Ông **Lê Văn M** - Chức vụ: Chủ tịch, là đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ÔH, khu M, thị trấn CG, huyện CG, Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Nguyễn Hữu U**, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp LH, xã QL, huyện CG, Tiền Giang.

- **Võ Ngọc S**, sinh năm 1984 (có mặt).

- **Võ Văn Ph**, sinh năm 1990 (có mặt).

- **Võ Phạm Thái Ng**, sinh năm 2009 (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp: Ông **Võ Văn Ph**, sinh năm 1990, là đại diện theo pháp luật (có mặt).

- **Lê Thị Ngọc H**, sinh năm 1991 (vắng mặt).

- **Võ Ngọc Phương H**, sinh năm 2011.

Đại diện hợp pháp: Ông **Võ Văn Ph**, sinh năm 1990, là đại diện theo pháp luật (có mặt).

- **Võ Ngọc Phương Ngh**, sinh năm 2013.

Đại diện hợp pháp: Ông **Võ Văn Ph**, sinh năm 1990, là đại diện theo pháp luật (có mặt).

- **Võ Ngọc Phương**, sinh năm 2016.

Đại diện hợp pháp: Ông **Võ Văn Ph**, sinh năm 1990, là đại diện theo pháp luật (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp LH, xã QL, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa, người khởi kiện trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà cố là Trần Thị M cho ông Võ Văn M (cha ông Th). Năm 1997, ông Th được Ủy ban nhân dân CG cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số thửa 190, tờ bản đồ số 23, diện tích 750m². Thửa đất có cạnh giáp với Xí nghiệp hạt điều TQ. Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Hữu U, ông có để con đường mòn nhỏ cho con cháu ra vào viếng mộ ông bà, tại bản đồ không có lối đi công cộng. Năm 2005, các hộ phía sau phần đất có xin đồ đường dale rộng 4 tấc để thuận tiện cho việc đi lại, ông đã đồng ý và có làm hàng rào. Tháng 5/2016, ông phá hàng rào râm bụi, mấy ngày sau ông Út ngang nhiên đổ đá lấn sang phần đất của ông rộng hơn 1m, từ đó phát sinh tranh chấp nên ông rào lại bằng lưới B40. Sau đó, ông Nguyễn Hữu U đã làm đơn khiếu nại nói rằng ông lấn chiếm đường đi công cộng làm lối đi riêng. Ngày 19/9/2016, Ủy ban nhân dân huyện gửi thông báo số 634/TB-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông. Nội dung thông báo cho

rằng, lối đi có chiều dài 83,9m, ngang có đoạn 2m, có đoạn 1,8m hình thành đã trên 60 năm nay phục vụ cho 09 hộ dân đi ra huyện lộ 25 để làm căn cứ thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng pháp luật. Căn cứ và bản đồ địa chính, thửa đất có cạnh liền ranh giáp với Xí nghiệp hạt điều TQ chứ không thể hiện giáp ranh với đường đi công cộng. Mặt khác, các hộ dân ở phía trong mới về đây từ năm 2005 thì không thể có đường đi từ 60 năm nay được. Ngoài ra, thực tế 09 hộ dân này còn có lối đi khác chứ không phải chỉ có lối đi trên.

Không đồng ý với thông báo số 634/TB-UBND ngày 19/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CG, ông đã làm đơn khiếu nại. Ngày 17/11/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG ban hành Quyết định số 1905/QĐ-UBND về việc bác đơn khiếu nại của ông giữ nguyên Thông báo số 634/TB-UBND ngày 19/9/2016. Ông không đồng ý và tiếp tục khiếu nại cấp có thẩm quyền. Ngày 14/02/2019, CT UBND tỉnh TG ra Quyết định số 446/QĐ-UBND về việc chuẩn y Quyết định 1905/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CG.

Nay ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy bỏ thông báo số 634/TB-UBND ngày 19/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CG.

Hủy bỏ Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG, tỉnh Tiền Giang;

Hủy bỏ Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của CT UBND tỉnh TG;

Người bị kiện gồm: CT UBND tỉnh TG, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG và Ủy ban nhân dân huyện CG đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị Lê Thị Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến trình bày.

Chị Võ Ngọc S, anh Võ Văn Ph trình bày: anh chị là thành viên trong hộ Võ Văn Th, anh chị thống nhất với ý kiến của ông Th, bà Đ.

Ông Nguyễn Hữu U trình bày: Theo những người lớn tuổi, đường đi hình thành khoảng 100 năm nay, ranh giới thể hiện bằng hàng rào bông bụt, sau đổi lại bằng lưới B40 để thể hiện giữa đất công và 03 thửa đất: 523, 529 (do ông đứng tên quyền sử dụng đất) và 190 do ông Th đứng tên. Từ năm 2016 đến nay, ông Th đào bới làm cản trở việc đi lại của các hộ xung quanh. Ông xác định đoạn đường qua 03 thửa đất trên là đường đi công cộng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật, các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm.

Về nội dung: người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG, tỉnh Tiền Giang;

Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của CT UBND tỉnh TG; Thông báo số 634/TB-UBND ngày 19/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CG. Các văn bản trên đều là quyết định hành chính theo quy định tại Điều 3 Luật tổ tụng hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30, Khoản 3, 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

Xét về trình tự thủ tục ban hành các quyết định trên là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Theo thông báo số 634/TB-UBND ngày 19/9/2016 về hướng Tây lồi đi công cộng giáp với thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông Th, bà Đ. Tuy nhiên, trên thực tế, phía Đông thửa đất của ông Th, bà Đ không giáp với lồi đi nào. Theo trình bày của ông Th tại phiên tòa, về hướng Bắc thửa đất 190, ông bà có chừa một lồi đi cho con cháu ra thăm mộ ông bà. Tại Biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã QL, huyện CG 12/7/2016, Phó chủ tịch xã có ý kiến: căn cứ theo bản đồ 301 được thành lập vào năm 2005 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Th, bà Đ đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện CG cấp ngày 04/12/2009, giữa ông Th và Xí nghiệp hạt điều không thể hiện lồi đi chung. Ngày 19/9/2016, Ủy ban nhân dân huyện CG ban hành thông báo số 634/TB-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Th, bà Đ đứng tên với lý do: đường đi công cộng giáp với đất ông Th bà Đ đứng tên về hướng Tây có trên 60 năm, phục vụ cho 09 hộ dân ra huyện lộ 25. Năm 2005, Đoàn 301 đo đạc lập bản đồ chính quy không có thể hiện đường đi công cộng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có sai sót khi đo đạc cấp quyền sử dụng đất cho ông Th, bà Đ. Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện tại phiên tòa mâu thuẫn với Luật đất đai vì thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của Ủy ban nhân dân, không phải do Đoàn 301 thực hiện. Theo kết quả xác minh của Tổ xác minh Thanh tra huyện CG, diện tích đo đạc thửa đất 190 là 750m² tương đương với diện tích được cấp theo Giấy chứng nhận. Theo lời trình bày của một số nhân chứng như Phạm Văn Kh, Trần Văn T, Bùi Văn Th, Phạm Văn T, Nguyễn Thị D, Trần Công B, phần đất phía Bắc thửa đất 190 của ông Th, bà Đ không phải là lồi đi công cộng. Do đó, thông báo số 634/TB-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Th, bà Đ xác định, cấp trùm đất thửa 190 gồm đường đi công cộng là không có căn cứ. Ông Th, bà Đ được cấp quyền sử dụng đúng với diện tích kê khai là 750m². Theo các sơ đồ địa chính, phía Đông, Nam thửa đất 190 không giáp lồi đi nào mà là đất cấp cho ông Th, bà Đ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính, chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện: Hủy bỏ Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG, tỉnh Tiền Giang; Hủy bỏ Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của CT UBND tỉnh TG; Hủy bỏ thông báo số 634/TB-UBND ngày 19/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CG.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tổ tụng:

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG, Ủy ban nhân dân huyện CG, chị Lê Thị Ngọc H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. CT UBND tỉnh

TG vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 157 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Thông báo số 634/TB-UBND ngày 19/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CG (sau đây gọi tắt là thông báo số 634/TB-UBND); Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG, tỉnh Tiền Giang (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1905/QĐ-UBND); Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của CT UBND tỉnh TG (sau đây gọi tắt là Quyết định số 446/QĐ-UBND) là các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Căn cứ Điều 30, Khoản 3, 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 thì các quyết định trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 19/9/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG ban thông báo số 634/TB-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 10/10/2016, ông Th khiếu nại thông báo trên nên ngày 17/11/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 1905/QĐ-UBND. Ông Th khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 nhưng đến ngày 15/10/2018, ông Th rút đơn khởi kiện. Ngày 15/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 31/2018/QĐST-HC. Ông Th tiếp tục khiếu nại quyết định số 1905/QĐ-UBND nên ngày 14/02/2019, CT UBND tỉnh TG ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 446/QĐ-UBND có nội dung bác đơn khiếu nại của ông Th. Ngày 20/3/2019, ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: hủy bỏ quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG, tỉnh Tiền Giang; hủy bỏ Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của CT UBND tỉnh TG. Ngày 07/5/2019, ông Th, bà Đ khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy thông báo số 634/TB-UBND ngày 19/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CG.

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, việc khởi kiện quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của CT UBND tỉnh TG là còn trong thời hiệu khởi kiện. Đối với yêu cầu khởi kiện hủy thông báo số 634/TB-UBND ngày 19/9/2016 và quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại mục V – Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao về một số vấn đề về nghiệp vụ (câu hỏi số 5) thì Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp đối với tất cả các quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện mà không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện. Như vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xem xét, đánh giá tính hợp pháp của thông báo số 634/TB-UBND và quyết định số 1905/QĐ-UBND theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Luật tổ tụng hành chính.

[4] Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khởi kiện:

[4.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Về thẩm quyền: thông báo số 634/TB-UBND do Ủy ban nhân dân huyện CG ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm d Khoản 2 điều 106 Luật đất đai và điểm b Khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG và Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của CT UBND tỉnh TG được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18, Điều 21 Luật khiếu nại.

Về trình tự, thủ tục: thông báo số 634/TB-UBND ngày 19/9/2016 được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại điểm b Khoản 4 điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014: có tiến hành xác minh và có kết luận của cơ quan thanh tra cùng cấp kiểm tra (bút lục 85^a, 85^b); Đối với quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG và quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của CT UBND tỉnh TG được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 204 Luật đất đai và Luật khiếu nại.

[4.2] Về hình thức, nội dung:

Về hình thức: Thông báo số 634/TB-UBND được ban hành chưa đúng thể thức của một văn bản hành chính theo quy định tại Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ nội vụ Hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính. Bởi lẽ, thẩm quyền ban hành thông báo thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của Ủy ban nhân dân huyện CG theo quy định tại Khoản 3 Điều 106 Luật đất đai nhưng phía dưới Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG lại ký tên với tư cách cá nhân Chủ tịch là không đúng. Quyết định số 1905/QĐ-UBND, quyết định số 446/QĐ-UBND được ban hành đúng mẫu số 15-KN và 16-KN theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 Quy định về quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Về nội dung:

Thông báo số 634/TB-UBND có nội dung: “Đường đi công cộng có chiều dài 83,9m, chiều ngang có đoạn 2m, có đoạn 1,8m, đường đi này hình thành trên 60 năm, hiện nay phục vụ cho 09 hộ đi trên đường nay ra Huyện lộ 25. Năm 2005 Đoàn 301 đo đạc lập bản đồ chính quy không có thể hiện đường đi công cộng, phía Tây con đường này giáp với thửa đất của ông Võ Văn Th 17,3m, khi Đoàn đo đạc đề cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th đo trù lên đường đi công cộng”. Theo thông báo trên, đường đi công cộng có chiều dài 17,3m, giáp với thửa đất thửa 190 cấp cho hộ ông Th, bà Đ về hướng Tây và đường đi này đã cấp nhằm vào thửa 190 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00743 ngày 07/12/2009 cho hộ ông Th, bà Đ với tổng diện tích 750m² nên trái với điểm d Khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013. Vì vậy, ngày 19/9/2016 Ủy ban nhân dân huyện CG căn cứ theo điểm b Khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/ NĐ-CP ngày 15/5/2014, ban hành thông báo thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Th, bà Đ.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/5/2019 (bút lục 70-73), phần đất Ủy ban nhân dân huyện CG xác định là đường đi công cộng cấp nhằm cho ông Võ Văn Th có diện tích 27,9m², hiện trạng là lối đi rải đá xanh, vị trí như sau:

Đông giáp Nguyễn Hữu U.

Phía Tây giáp Nguyễn Hữu U.

Phía Nam giáp phần còn lại thửa 190.

Phía Bắc giáp Xí nghiệp hạt điều (Hà Minh Nh).

Như vậy, lối đi theo Thông báo 634/TB-UBND có vị trí về hướng Bắc thửa 190, không phải về hướng Đông như Thông báo này xác định. Theo ông Th, bà Đ, lối đi dài 17,3m có diện tích 27,9m² nói trên là đất thuộc thửa 190 được ông bà chừa ra làm đường đi trong nội bộ gia đình (sau này có một số hộ dân xin đi nhờ cho tiện), không phải là lối đi công cộng như Ủy ban nhân dân huyện CG xác định.

Căn cứ vào các tờ bản đồ thửa đất 190 qua các thời kỳ thể hiện: Theo tờ bản đồ 299 (bút lục 50), hướng Bắc thửa đất 640 (nay là thửa 190) giáp với thửa 637; theo trích lục tờ bản đồ địa chính năm 2001 (bút lục 84), về hướng Bắc, thửa đất 527 (nay là thửa 190) giáp với thửa đất thửa 520 của Hà Minh Nh (tương tự văn bản số 3396/VPĐK-TTLT ngày 30/10/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang – bút lục 164-166); theo tờ bản đồ chính quy năm 2008 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai CG cung cấp, thửa 190 giáp với thửa 147 của Xí nghiệp hạt điều (bút lục 164-166). Như vậy, quá trình sử dụng đất qua các thời kỳ, về hướng Bắc thửa 190 không giáp đường đi công cộng có chiều dài 17,3m mà giáp ranh với đất của các cá nhân khác nên Thông báo số 634/TB-UBND ngày 19/9/2016 xác định lối đi này có trên 60 năm phục vụ cho 09 hộ dân ra huyện lộ 25 là không có căn cứ. Mặt khác, trên bản đồ chính quy năm 2008, về hướng Đông các thửa đất 758, 759, 102, 66, 65, 801, đã có lối đi công cộng cho các hộ dân này ra huyện lộ 25 (bút lục 156).

Nhận thấy, hộ ông Th, bà Đ đã có quá trình sử dụng thửa đất 190 ổn định, lâu dài và không tranh chấp, được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất qua các thời kỳ thể hiện qua việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên phần đất diện tích 27,9 m² là một phần thửa 190 (640, 527 cũ) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ Võ Văn Th và Hồ Thị Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00743 ngày 07/12/2009, không phải là lối đi công cộng.

Ngoài ra, Thông báo số 634/TB-UBND xác định vị trí thửa đất 190 không chính xác với thực tế cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể:

Thứ nhất, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (bút lục 70-73), vị trí thửa đất số 190, tờ bản đồ 23 như sau:

Đông giáp Nguyễn Hữu U, đường đi (huyện lộ 25).

Phía Tây giáp Nguyễn Hữu U.

Phía Nam giáp Phạm Văn Kh (Phạm Văn Th).

Phía Bắc giáp Xí nghiệp hạt điều (Hà Minh Nh).

Thứ hai, theo các tài liệu chứng cứ do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang cung cấp là Công văn số 3396/VPĐK-TTTLT ngày 30/10/2019 (bút lục 164-166) và các tài liệu do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CG cung cấp là Trích lục bản đồ địa chính chính quy lập ngày 29/12/2008, phía Đông thửa đất 190 (trước là thửa 527) giáp với Nguyễn Hữu U và đường đi là huyện lộ 25 (bút lục 156).

Như vậy, theo các chứng cứ được phân tích trên, hướng Đông thửa đất 190 giáp với thửa đất 529, diện tích 153m² được cấp quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu U và huyện lộ 25 nên không thể có đường đi đoạn 17,3m giáp với thửa 190 về hướng Tây như thông báo 634/TB-UBND xác định.

Mặt khác, theo biên bản, kiểm tra, đo đạc thửa đất số 190, tờ bản đồ 23 ngày 08/11/2016 của Tổ xác minh Thanh tra huyện CG (bút lục 44), vị trí thửa đất 190 như sau:

Đông giáp Xí nghiệp hạt điều có chiều dài 17,3m (giáp hàng rào xí nghiệp hạt điều lưới B40), không giáp với đường đi công cộng như nhận định của thông báo 634/TB-UBND.

Phía Tây giáp đường công cộng có chiều dài 11,9m.

Phía Nam giáp đường huyện 25 có chiều dài 29,1m; giáp đất ông Nguyễn Hữu U có chiều dài 2 đoạn: đoạn 1 có chiều dài 6,8m, đoạn 2 có chiều dài 14,3m (giáp hàng rào B40 Xí nghiệp hạt điều).

Phía Bắc giáp thửa đất ông Nguyễn Hữu U có chiều dài 38,7m (giáp hàng rào B40 Xí nghiệp hạt điều).

Như vậy, nội dung của thông báo số 634/TB-UBND lại mâu thuẫn với chính Biên bản, kiểm tra, đo đạc thửa đất số 190, tờ bản đồ 23 ngày 08/11/2016 của Tổ xác minh Thanh tra huyện CG vì phía Đông thửa đất 190 không giáp lối đi công cộng dài 17,3m mà giáp Xí nghiệp hạt điều.

Từ phân tích trên có đủ cơ sở kết luận: về mặt nội dung, Thông báo số 634/TB-UBND ngày 19/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CG xác định phía Tây đường đi công cộng giáp phần đất thửa 190 và phần đất đường đi này cấp nhằm cho hộ ông Th, bà Đ là không đúng với thực tế cũng như quá trình sử dụng đất của hộ ông bà. Vì vậy, thông báo số 634/TB-UBND ngày 19/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CG thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00743 ngày 07/12/2009 đã cấp cho ông Th, bà Đ chưa đúng với quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên cần chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy bỏ Thông báo số 634/TB-UBND ngày 19/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CG.

Quyết định giải quyết khiếu nại số 1905/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CG về việc giải quyết khiếu nại đối với Thông báo số 634/TB-UBND có nội dung: Không chấp nhận khiếu nại của ông Th, giữa y Thông báo số 634/TB-UBND ngày 19/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CG. Như phân tích trên Thông báo số 634/TB-UBND ngày 19/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CG chưa đúng quy định của pháp luật về hình thức và nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 1905/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 giữ y thông báo này là không có cơ sở. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại số 1905/QĐ-UBND ngày 17/11/2016.

Quyết định giải quyết khiếu nại số 446/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của CT UBND tỉnh TG về việc giải quyết khiếu nại đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 1905/QĐ-UBND có nội dung: không chấp nhận khiếu nại của người khởi kiện về việc hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại số 1905/QĐ-UBND ngày 17/11/2016. Như phân tích trên, Quyết định giải quyết khiếu nại số 1905/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 giữ y Thông báo số 634/TB-UBND ngày 19/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CG trong khi thông báo này không phù hợp với quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của CT UBND tỉnh TG không chính xác về mặt nội dung. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, hủy bỏ Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của CT UBND tỉnh TG.

Như phân tích trên, ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí, do yêu cầu của người khởi kiện chấp nhận nên không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Người bị kiện phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, khoản 3,4 Điều 32, Điều 116, Khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 4, điểm d Khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013, điểm b Khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/ NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 18, Điều 21 Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 Quy định về quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Th và bà Hồ Thị Đ.

1/ Hủy thông báo số 634/TB-UBND ngày 19/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CG về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Văn

Th.

2/ Hủy Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG, tỉnh Tiền Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn Th (lần đầu);

3/ Hủy Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của CT UBND tỉnh TG về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn Th (lần hai).

4/ Án phí: Ông Võ Văn Th, bà Hồ Thị Đ được không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 00857, 00856 ngày 02/4/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG, Ủy ban nhân dân huyện CG, CT UBND tỉnh TG mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với các đương sự vắng mặt tính từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết).

Án tuyên vào lúc 9 giờ 15 ngày 25/11/2019, vắng mặt người bị kiện, có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện, ông Th, chị S, anh Ph, ông U và đại diện Viện kiểm sát.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Phương